TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24.01.2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Chi
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Thảo T - Sinh năm 1983, (*Có mặt*).
- *Bị đơn:* Ông Võ Đình H - Sinh năm 1981, (*Vắng mặt, không có lý do*).

Cùng nơi cư trú: Tổ 20, phường H, quận L, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2017, Bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Châu Thị Thảo T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Đình H tự nguyện kết hôn vào năm 2008; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống tại tổ 14, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - là nhà của cha mẹ ông H. Được 03 năm, thì vợ chồng chuyển ra sống tại nhà riêng tại tổ 20, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, trầm trọng nhất là từ đầu năm 2017. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông H không lo làm ăn, lại sử dụng ma túy, từng bị Công an phường xử phạt vi phạm hành chính, phải nhập viện nhiều lần để cai nghiện, nhưng không có kết quả; ông H không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 10 năm 2017, bà đã chuyển về sống tại nhà của mẹ ruột của bà (*Gần nhà riêng của vợ chồng*) cũng tại tổ 20, phường Hòa Minh.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông H có 02 con chung tên là Võ Đình K - Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009 và Võ Đình N- Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông H không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Võ Đình H không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt lần hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Võ Đình H, nhưng tại phiên tòa ông H vẫn vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Bà Châu Thị Thảo T và ông Võ Đình H đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có văn bản phản đối yêu cầu của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H ham chơi, nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con. Việc ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông H không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng

xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông H, xử cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung*:* Bà T và ông H có 02 con chung tên là Võ Đình K - Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009 và Võ Đình N - Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con.

Xét, các con chung Võ Đình Khôi và Võ Đình Nguyên sinh đôi và đều có nguyện vọng được sống với mẹ, ông H không thể hiện ý kiến mong muốn nuôi con nên Hội đồng xét xử cần giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Châu Thị Thảo T đối với ông Võ Đình H về việc "Tranh chấp ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T được ly hôn với ông H.

* Về con chung:

Xử: Giao 02 con chung Võ Đình K- Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009 và Võ Đình N - Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Châu Thị Thảo T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000689 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy